

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THANH TRÌ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8-19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần May Thanh Trì trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Minh Tuấn	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Chiến	Ủy viên
Ông Văn Thanh Sơn	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Chuyên	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 03/8/2009)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Tuấn	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30/6/2009)
Bà Nguyễn Thị Chiến	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/7/2009)
Bà Đào Mai Hương	Phó Giám đốc
Ông Văn Thanh Sơn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Thị Chiến
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2010

Số. /AP.KT

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Hội đồng quản trị
Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần May Thanh Trì

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh kèm theo của Công ty Cổ phần May Thanh Trì (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần May Thanh Trì không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc đồng thời cũng chịu trách nhiệm thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được thực hiện dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, trên cơ sở đánh giá rủi ro liên quan đến các sai sót trọng yếu phản ánh trên báo cáo tài chính, do các gian lận hoặc sai sót. Trong quá trình đánh giá rủi ro, kiểm toán viên cũng xem xét các thủ tục kiểm soát do Ban Giám đốc thực hiện nhằm lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý để thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp trong từng trường hợp mà không nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Bắt đồng trong xử lý kế toán

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 09 phần thuyết minh Báo cáo tài chính, tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty chưa trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần May Haprosimex Giao Thủy theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn “*Trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”, số dự phòng Công ty cần lập tương ứng với số lỗ lũy kế của Công ty Cổ phần May Haprosimex Giao Thủy đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 và tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Công ty Cổ phần May Haprosimex Giao Thủy là 1.203.352.536 đồng do Công ty Cổ phần May Haprosimex Giao Thủy bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng 5 năm 2009 và Công ty không xây dựng kế hoạch lỗ trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư. Nếu Công ty trích lập dự phòng theo đúng quy định hiện hành, kết quả kinh doanh năm 2009 của Công ty sẽ giảm đi một số tiền tương ứng.

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN (Tiếp theo)

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề bất đồng trong xử lý kế toán nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý tới vấn đề sau:

- Tại ngày 31/12/2009, Công ty chưa phản ánh giá trị của các loại nguyên vật liệu nhận gia công trên sổ dư của khoản mục "Hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công" ngoài Bảng Cân đối kế toán.

Vũ Bình Minh
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ0034/KTV

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1396/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		9.937.745.746	14.513.829.101
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.604.786.347	3.442.772.905
1. Tiền	111	5	1.604.786.347	3.442.772.905
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		600.000.000	150.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	600.000.000	150.000.000
III. Các khoản phải thu	130		3.503.425.426	6.059.306.306
1. Phải thu của khách hàng	131		3.621.489.814	5.835.339.311
2. Các khoản phải thu khác	135	7	118.057.645	460.089.028
3. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(236.122.033)	(236.122.033)
IV. Hàng tồn kho	140	8	3.584.567.104	4.004.146.111
1. Hàng tồn kho	141		3.584.567.104	4.004.146.111
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		644.966.869	857.603.779
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		256.269.277	114.257.416
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		53.650.804	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		335.046.788	743.346.363
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		16.625.288.896	18.594.972.918
I. Tài sản cố định	220		10.335.580.415	10.869.408.820
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	10.335.580.415	10.869.408.820
- Nguyên giá	222		46.273.119.447	44.786.891.783
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.937.539.032)	(33.917.482.963)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	5.180.000.000	5.210.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		5.100.000.000	5.100.000.000
2. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		80.000.000	110.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.109.708.481	2.515.564.098
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.109.708.481	2.515.564.098
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		26.563.034.642	33.108.802.019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		5.361.031.658	11.641.987.251
I. Nợ ngắn hạn	310		5.361.031.658	11.641.987.251
1. Phải trả cho người bán	312		2.295.495.085	2.141.788.554
2. Người mua trả tiền trước	313		-	93.210.351
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.103.475	705.802.501
4. Phải trả công nhân viên	315		2.134.836.949	3.314.420.111
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	907.883.018	3.829.425.485
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		20.713.131	1.557.340.249
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		21.202.002.984	21.466.814.768
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	21.202.002.984	21.466.814.768
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(58.256.206)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		319.362.131	215.201.640
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		159.681.066	107.600.820
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		781.215.993	1.144.012.308
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		26.563.034.642	33.108.802.019

Nguyễn Thị Chiến
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 25/4/2008	
			Năm 2009	đến 31/12/2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	45.729.838.157	44.156.952.918
2. Các khoản giảm trừ	02		14.544.192	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	15	45.715.293.965	44.156.952.918
4. Giá vốn hàng bán	11	16	31.834.975.496	33.089.013.124
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		13.880.318.469	11.067.939.794
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	488.553.278	558.247.466
7. Chi phí tài chính	22	18	40.998.204	158.778.939
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	38.214.745
8. Chi phí bán hàng	24		1.588.399.578	1.500.735.871
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.230.102.941	6.928.384.890
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		1.509.371.024	3.038.287.560
11. Thu nhập khác	31		13.063.536	161.904.762
12. Chi phí khác	32		112.639.638	211.280.644
13. Lãi khác (40=31-32)	40		(99.576.102)	(49.375.882)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.409.794.922	2.988.911.678
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	368.190.009	836.895.270
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	19	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		1.041.604.913	2.152.016.408
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	520,80	1.076,01

Nguyễn Thị Chiến
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh
Kê toán trưởng

Ngày 15 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 25/4/2008	
		Năm 2009	đến 31/12/2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.409.794.922	2.988.911.678
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	02	2.362.374.631	1.637.985.464
Các khoản dự phòng	03	-	236.122.033
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(88.358.531)	208.981.221
Chi phí lãi vay	06	-	38.214.745
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.683.811.022	5.110.215.141
Giảm các khoản phải thu	09	2.863.817.905	(19.233.074)
Tăng hàng tồn kho	10	419.579.007	345.693.629
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(5.163.007.880)	(2.685.082.892)
Tăng/giảm Chi phí trả trước	12	1.405.855.617	(492.908.723)
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(38.214.745)
Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(706.095.911)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.640.787.609)	(167.740.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.569.268.062	1.346.633.425
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.878.220.750)	(1.312.696.923)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	5.145.454	161.904.762
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(450.000.000)	(150.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.000.000	80.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.300.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	44.734.268	46.750.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.248.341.028)	(4.474.042.161)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	1.099.416.656
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(1.099.416.656)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.144.000.000)	(470.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.144.000.000)	(470.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.823.072.966)	(3.597.408.736)
Tiền tồn đầu năm	60	3.442.772.905	7.040.181.641
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(14.913.592)	-
Tiền tồn cuối năm	70	1.604.786.347	3.442.772.905

Nguyễn Thị Chiến
Giám đốc
Ngày 15 tháng 03 năm 2010

Nguyễn Thị Thanh
Kê toán trưởng

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần May Thanh Trì (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) Xí nghiệp May xuất khẩu Thanh Trì trực thuộc Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội theo Quyết định số 1397/QĐ - UBND ngày 18/04/2008 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103024083 ngày 24 tháng 04 năm 2008. Tên giao dịch Quốc tế của Công ty là THANH TRI GARMENT JOINT STOCK COMPANY.

Vốn Điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng, tương ứng 2.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần. Trong đó:

- Cổ đông Nhà nước là Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội nắm 1.060.000 cổ phần tương ứng với 10.600.000.000 đồng chiếm 53% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 940.000 cổ phần tương ứng với 9.400.000.000 đồng chiếm 47% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại Km số 11 Quốc lộ 1A, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 623 người (tại 31/12/2008: 1.099 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, mua bán các mặt hàng dệt, may mặc, thêu, ren;
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, hàng công nghiệp, khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), hàng lương thực, thực phẩm;
- Mua bán vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị phụ tùng, phương tiện cho các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), may mặc;
- Mua bán, lắp ráp phương tiện vận tải, ô tô, xe máy, xe gắn máy và phụ tùng thay thế;
- Mua bán thiết bị, vật liệu trang trí nội, ngoại thất;
- Mua bán điện thoại và thiết bị điện, điện tử, thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở, kho, bến bãi đỗ xe, siêu thị;
- Du lịch lữ hành quốc tế và nội địa;
- Dịch vụ các câu lạc bộ thể dục, thể thao, khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường);
- Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch;
- Mua bán, chế biến hàng nông, lâm, hải sản;
- Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng phát triển nhà, trung tâm thương mại, khách sạn, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, công trình công cộng, giao thông, văn hóa (không bao gồm thiết kế công trình);
- Giao nhận, chuyển phát hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô (theo hợp đồng);
- Đào tạo, dạy nghề may, thêu, sửa chữa thiết bị điện, điện tử, thiết bị viễn thông (Chi hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Cung ứng, giới thiệu lao động trong nước (không bao gồm dịch vụ cung ứng, giới thiệu lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)/.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI

Ngày 31/12/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính trong Thông tư này

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con các khoản đầu tư mà Công ty có quyền kiểm soát các công ty mà Công ty đã đầu tư. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Khoản mục đầu tư vào công ty con trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty bao gồm các khoản đầu tư vào công ty cổ phần mà Công ty có quyền kiểm soát. Khoản đầu tư vào công ty con được phân ánh theo giá gốc tại báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần May Thanh Trì.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được phân ánh theo giá trị có thể thực hiện được ước tính sau khi đã lập dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc đối với các khoản nợ có bằng chứng về việc không thể thu hồi được.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đối với thành phẩm và theo phương pháp thực tế đích danh đối với nguyên vật liệu. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Tại thời điểm kết thúc năm, Công ty chưa xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho và so sánh với giá gốc để phản ánh theo giá thấp hơn theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 - Hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với các tài sản cố định đã được đánh giá lại theo quyết định của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền thì nguyên giá tài sản cố định được xác định theo giá trị đã đánh giá lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	15
Máy móc, thiết bị	5
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	5

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Giá trị của lợi thế địa lý và lợi thế kinh doanh được tạo ra trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp là Xí nghiệp May xuất khẩu Thanh Trì để cổ phần hóa; Giá trị các công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ, thuê cửa hàng và thuê kho được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trong thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh, Đơn vị xây dựng tiêu thức phân bổ giá trị các tài sản này vào chi phí sản xuất kinh doanh và áp dụng nhất quán trong các kỳ kế toán khác nhau, giá trị lợi thế địa lý và lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí trong thời gian 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở số dư các khoản tiền gửi và lãi suất thực tế theo thông báo của ngân hàng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ phải được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản nợ dài hạn được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh, chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản tiền và nợ ngắn hạn được phản ánh trên tài khoản chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc các định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, không có khoản tài sản hoặc công nợ nào được ghi nhận do không có các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể nào giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THANH TRÌ

Thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội

Báo cáo tài chínhCho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	VND	VND
Tiền mặt	749.461.241	614.258.488
Tiền gửi ngân hàng	855.325.106	2.828.514.417
	<u>1.604.786.347</u>	<u>3.442.772.905</u>

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư các khoản đầu tư ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2009 là khoản tiền Công ty cho Công ty Cổ phần May Giao Thủy vay theo hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2008 với số tiền cho vay tối đa là 600.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 1,4%/tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Lãi và gốc vay được trả sau 6 tháng kể từ ngày giải ngân cho từng lần nhận nợ.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	-	356.360.300
Phải thu lãi cho vay	88.153.333	-
Phải thu khác	29.904.312	103.728.728
	<u>118.057.645</u>	<u>460.089.028</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.021.722.206	975.441.973
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.190.895.890	2.693.875.426
Thành phẩm	371.109.387	333.209.580
Hàng hoá	839.621	1.619.132
	<u>3.584.567.104</u>	<u>4.004.146.111</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	<u>3.584.567.104</u>	<u>4.004.146.111</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THANH TRÌ

Thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 09-DN**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ, thiết bị quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2009	7.288.821.723	31.840.882.300	2.883.336.968	890.249.835	1.883.600.957	44.786.891.783
Tăng trong năm	-	1.116.993.416	693.827.333	67.400.001	-	1.878.220.750
Thanh lý nhượng bán	-	99.836.642	-	292.156.444	-	391.993.086
Tại ngày 31/12/2009	7.288.821.723	32.858.039.074	3.577.164.301	665.493.392	1.883.600.957	46.273.119.447
KHẤU HAO LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2009	6.703.583.558	23.355.293.878	1.629.107.167	666.109.565	1.563.388.795	33.917.482.963
Khấu hao trong năm	41.069.345	1.923.912.391	275.968.402	46.080.455	75.344.038	2.362.374.631
Thanh lý nhượng bán	-	93.821.179	-	248.497.383	-	342.318.562
Tại ngày 31/12/2009	6.744.652.903	25.185.385.090	1.905.075.569	463.692.637	1.638.732.833	35.937.539.032
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2008	585.238.165	8.485.588.422	1.254.229.801	224.140.270	320.212.162	10.869.408.820
Tại ngày 31/12/2009	544.168.820	7.672.653.984	1.672.088.732	201.800.755	244.868.124	10.335.580.415

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2009 là 2.502.750.523 VND (31/12/2008: 2.502.750.523 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty CP May Haprosimex Giao Thủy	5.100.000.000	5.100.000.000
Đầu tư dài hạn khác (Trái phiếu Chính Phủ)	80.000.000	110.000.000
	5.180.000.000	5.210.000.000

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần May Haprosimex Giao Thủy được thực hiện theo các Quyết định số 54/2007/QĐĐT ngày 25/06/2007 và Quyết định số 90/2007/QĐ ngày 22/10/2007 của Tổng Giám đốc Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội; Trong đó Công ty Cổ phần May Thanh Trì (tiền thân là Xí nghiệp May Xuất khẩu Thanh Trì) góp vốn 5.100.000.000 đồng chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần May Haprosimex Giao Thủy. Tại ngày 31/12/2009, lỗ lũy kế của Công ty Cổ phần May Haprosimex Giao Thủy là 2.341.818.415 đồng. Công ty chưa trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư trên do Công ty Cổ phần May Haprosimex Giao Thủy bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng 5 năm 2009 và Công ty Cổ phần May Haprosimex Giao Thủy không xây dựng kế hoạch lỗ trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư. Số lỗ từ khoản đầu tư này không được Công ty lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Công ty Cổ phần May Haprosimex Giao Thủy là 1.203.352.536 đồng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2009	Từ 25/4/2008 đến 31/12/2008
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.515.564.098	656.931.747
Tăng trong năm	828.444.148	2.468.308.421
Phân bổ vào chi phí trong năm	2.234.299.765	609.676.070
Số dư cuối năm	1.109.708.481	2.515.564.098

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	679.189.523
Thuế thu nhập cá nhân	2.103.475	26.612.978
	2.103.475	705.802.501

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	632.639.058	863.100.988
Bảo hiểm xã hội	24.605.219	174.701.574
Phải trả về cổ phần hoá	-	2.564.709.581
Phải trả, phải nộp khác	250.638.741	226.913.342
	<u>907.883.018</u>	<u>3.829.425.485</u>

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 25/04/2008	20.000.000.000	-	-	-	-	20.000.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.152.016.408	2.152.016.408
- Trích lập các quỹ	-	-	215.201.640	107.600.820	(538.004.100)	(215.201.640)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(470.000.000)	(470.000.000)
Tại 01/01/2009	20.000.000.000	-	215.201.640	107.600.820	1.144.012.308	21.466.814.768
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.041.604.913	1.041.604.913
- Trích lập các quỹ	-	-	104.160.491	52.080.246	(260.401.228)	(104.160.491)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.144.000.000)	(1.144.000.000)
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	(58.256.206)	-	-	-	(58.256.206)
Tại 31/12/2009	20.000.000.000	(58.256.206)	319.362.131	159.681.066	781.215.993	21.202.002.984

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh được trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định liên quan, như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: 104.160.491 đồng, tương ứng 10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ dự phòng tài chính: 52.080.246 đồng, tương ứng 5% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 104.160.491 đồng, tương ứng 10% lợi nhuận sau thuế

Theo biên bản họp Đại hội cổ đông ngày 25/04/2009, lợi nhuận để lại năm 2008 được chia cho các cổ đông tương ứng 8,07% vốn điều lệ, tương đương 1.614.000.000 đồng, trong đó, số cổ tức đã tạm chia cho cổ đông cá nhân trong năm 2008 là 470.000.000 đồng. Số cổ tức còn lại đã thanh toán hết cho các cổ đông trong năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỉ lệ	31/12/2009	01/01/2009
	%	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	53%	10.600.000.000	10.600.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	47%	9.400.000.000	9.400.000.000
	100%	20.000.000.000	20.000.000.000

15. DOANH THU

	Năm 2009	Từ 25/4/2008
	VND	đến 31/12/2008
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	45.729.838.157	41.359.760.234
Doanh thu dịch vụ đã cung cấp	-	1.974.337.158
Doanh thu khác	-	822.855.526
	45.729.838.157	44.156.952.918
Các khoản giảm trừ	(14.544.192)	-
Doanh thu thuần	45.715.293.965	44.156.952.918

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009	Từ 25/4/2008
	VND	đến 31/12/2008
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã tiêu thụ	31.834.975.496	33.089.013.124
	31.834.975.496	33.089.013.124

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009	Từ 25/4/2008
	VND	đến 31/12/2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	120.137.601	51.650.530
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	12.750.000	46.750.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	355.665.677	459.846.936
	488.553.278	558.247.466

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009	Từ 25/4/2008 đến 31/12/2008
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	38.214.745
Lỗ chênh lệch tỷ giá	40.892.304	-
Chi phí tài chính khác	105.900	120.564.194
	40.998.204	158.778.939

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2009	Từ 25/4/2008 đến 31/12/2008
	VND	VND
Thuế TNDN phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	1.409.794.922	2.988.911.678
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	62.965.114	-
Thu nhập chịu thuế	1.472.760.036	2.988.911.678
Thuế suất	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	368.190.009	836.895.270
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	368.190.009	836.895.270
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-
	368.190.009	836.895.270

20. CỔ PHIẾU

	31/12/2009	01/01/2009
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>2.000.000</i>	<i>2.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>2.000.000</i>	<i>2.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2009	Từ 25/4/2008 đến 31/12/2008
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.041.604.913	2.152.016.408
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	2.000.000	2.000.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>1.041.604.913</u>	<u>2.152.016.408</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>520,80</u>	<u>1.076,01</u>

22. SỐ DƯ VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã có các giao dịch quan trọng với bên liên quan sau:

	Năm 2009	Từ 25/4/2008 đến 31/12/2008
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty Sản xuất XNK Tổng hợp Hà Nội	231.870.400	250.654.002
Nhà máy Dệt kim Haprosimex	93.223.597	751.122.154
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Nhà máy Dệt kim Haprosimex	1.690.217.152	-
Công ty Cổ phần May Haprosimex Giao Thủy	313.026.000	610.983.500
Số dư với bên liên quan		
	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Sản xuất XNK Tổng hợp Hà Nội	-	81.219.085
Nhà máy Dệt kim Haprosimex	-	131.474.369
Các khoản phải trả		
Nhà máy Dệt kim Haprosimex	936.803.402	-

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.